

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Cụm công nghiệp liên xã Dân Lực, Dân Lý, Dân Quyền,
huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 2888/QĐ-UBND ngày 09/08/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển Cụm công nghiệp tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 4269/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thành lập Cụm công nghiệp liên xã Dân Lực, Dân Lý, Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Thông báo số 58-TB/HU ngày 22/12/2020 thông báo kết luận của Thường trực Huyện ủy Triệu Sơn về Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp liên xã Dân Lực, Dân Lý, Dân Quyền;

Căn cứ Văn bản số 77/SXD-QH ngày 06/01/2021 của Sở Xây dựng Thanh Hóa về việc ý kiến hồ sơ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp liên xã Dân Lực, Dân Lý, Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 06/TĐ-KTHT ngày 11/01/2021; Giám đốc Công ty TNHH đầu tư Triệu Lộc

tại Tờ trình số 28/TTr-TL ngày 18/12/2020 về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp liên xã Dân Lực, Dân Lý, Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp liên xã Dân Lực, Dân Lý, Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi, ranh giới và quy mô lập quy hoạch chi tiết:

1.1. Phạm vi, ranh giới:

Khu vực lập quy hoạch chi tiết thuộc địa giới hành chính thị trấn Triệu Sơn, xã Dân Lực và xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn. Theo điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Triệu Sơn đến năm 2030 được duyệt tại Quyết định số 4542/QĐ-UBND ngày 01/11/2019, phạm vi khu đất lập quy hoạch chi tiết gồm các lô đất ký hiệu: Lô đất CN-02 diện tích 16,27ha; lô đất CN-03 diện tích 8,18ha; lô đất CN-05 diện tích 17,46ha; lô đất CN-06 diện tích 3,43ha; một phần lô đất CXCL04 và đường giao thông, kênh nam theo quy hoạch. Ranh giới được xác định như sau:

- Phía Đông: Giáp đất trồng lúa (Kênh Nam và đường giao thông theo Quy hoạch chung).
- Phía Tây: Giáp đất trồng lúa (đất công nghiệp theo Quy hoạch chung).
- Phía Nam: Giáp đất trồng lúa (đất dự trữ phát triển và đường giao thông theo Quy hoạch chung).
- Phía Bắc: Giáp đường gom Quốc lộ 47 theo Quy hoạch chung.

1.2. Quy mô:

- Diện tích khu đất lập quy hoạch khoảng: 54,058 ha.
- Diện tích Cụm công nghiệp khoảng: 49,37 ha.

2. Tính chất, chức năng:

Là cụm công nghiệp đa ngành về: May mặc, cơ khí chế tạo, sản xuất các sản phẩm của ngành công nghiệp hỗ trợ, tiểu thủ công nghiệp, chế biến gỗ, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến khoáng sản, chế biến lâm - nông sản, sản phẩm nhựa, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm... ít gây ô nhiễm môi trường; được đầu tư linh hoạt, thuận tiện, an toàn cho các nhà đầu tư, phát triển hài hòa bền vững với cảnh quan vùng miền và với khu vực nông thôn, đô thị lân cận.

3. Quy hoạch sử dụng đất:

Bảng tổng hợp cơ cấu quy hoạch sử dụng đất như sau:

STT	THÀNH PHẦN ĐẤT	DIỆN TÍCH (m ²)	TỶ LỆ (%)
	TỔNG DIỆN TÍCH NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH	540.586,25	100
	ĐẤT CỤM CÔNG NGHIỆP	493.702,00	

STT	THÀNH PHẦN ĐẤT	DIỆN TÍCH (m ²)	TỶ LỆ (%)
1	Đất công nghiệp	364.364,6	67,4
2	Đất công cộng dịch vụ, Nhà điều hành	2.258,60	0,4
3	Đất hạ tầng kỹ thuật đầu mối	12.649,50	2,3
4	Đất cây xanh	66.408,66	12,3
5	Đất giao thông	94.904,89	17,6

3.1. Quy hoạch sử dụng đất trong cụm, cụ thể như sau:

a) Đất công nghiệp - TTCN:

Diện tích 364.364,6m², chiếm 67,4% tổng diện tích, được chia thành các lô đất theo Môđul để thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư vào cụm:

- Đất công nghiệp hiện trạng (ký hiệu CNHT), diện tích 122.974,88m²; gồm 03 lô.

- Đất công nghiệp mới (ký hiệu CNQH), diện tích 241.389,72m²; gồm 30 lô.

- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đối với từng ô đất: Tầng cao xây dựng tối đa 16m, mật độ xây dựng tối đa 70%, hệ số sử dụng đất tối đa 2,0 lần.

b) Đất công cộng, hành chính, dịch vụ:

Được bố trí phía Bắc cụm công nghiệp tiếp cận từ vị trí từ QL47 qua tuyến đường hiện có, diện tích 2.258,60 m²; chiếm 0,4% tổng diện tích. Chỉ tiêu sử dụng đất: tầng cao xây dựng từ 2 - 5 tầng, mật độ xây dựng tối đa 40%, hệ số sử dụng đất tối đa 2,0 lần.

c) Đất cây xanh:

Đất cây xanh ký hiệu CX, diện tích 66.408,66m², chiếm 12,3% tổng diện tích lập quy hoạch được phân bố đều trong cụm công nghiệp.

d) Đất giao thông:

Diện tích 94.904,89 m², chiếm 17,6% tổng diện tích lập quy hoạch.

e) Đất hạ tầng kỹ thuật đầu mối.

Diện tích 12.649,50 m²; chiếm 2,3% tổng diện tích lập quy hoạch, bao gồm các công trình trạm xử lý nước thải, trạm biến áp,....

Bảng chi tiết quy hoạch sử dụng đất

STT	THÀNH PHẦN ĐẤT	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH (M ²)	MẬT ĐỘ XD (%)	CHIỀU CAO TỐI ĐA	HỆ SỐ SDD TỐI ĐA	TỶ LỆ (%)
	TỔNG DIỆN TÍCH LẬP QUY HOẠCH		540.586,25				100
	(RANH GIỚI CỤM CÔNG NGHIỆP)		493.702,00				91,3
I	ĐẤT CÔNG NGHIỆP	CN	364.364,60				67,4
1	Đất công nghiệp hiện trạng	CN-HT	122.974,88	≤ 70	≤ 16 m	2,0	22,7

STT	THÀNH PHẦN ĐẤT	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH (M2)	MẬT ĐỘ XD (%)	CHIỀU CAO TỐI ĐA	HỆ SỐ SDD TỐI ĐA	TỶ LỆ (%)
1.1	Đất công nghiệp hiện trạng 01	CNHT-01	45.517,40	≤ 70	≤ 16 m	2,0	
1.2	Đất công nghiệp hiện trạng 02	CNHT-02	58.935,30	≤ 70	≤ 16 m	2,0	
1.3	Đất công nghiệp hiện trạng 03	CNHT-03	18.522,18	≤ 70	≤ 16 m	2,0	
2	Đất công nghiệp mới	CN-QH	241.389,72	≤ 70	≤ 16 m	2,0	44,7
2.1	Đất Công nghiệp mới 01 (1 lô)	CNQH-01	13.028,20	≤ 70	≤ 16 m	2,0	
2.2	Đất Công nghiệp mới 02 (1 lô)	CNQH-02	4.501,30	≤ 70	≤ 16 m	2,0	
2.3	Đất Công nghiệp mới 03 (3 lô)	CNQH-03	25.900,16	≤ 70	≤ 16 m	2,0	
	+ Lô công nghiệp mới 03:01	CNQH-03:01	7.415,40	≤ 70	≤ 16 m	2,0	
	+ Lô công nghiệp mới 03:02	CNQH-03:02	7.748,58	≤ 70	≤ 16 m	2,0	
	+ Lô công nghiệp mới 03:03	CNQH-03:03	10.736,18	≤ 70	≤ 16 m	2,0	
2.4	Đất Công nghiệp mới 04 (1 lô)	CNQH-04	12.557,15	≤ 70	≤ 16 m	2,0	
2.5	Đất Công nghiệp mới 05 (5 lô)	CNQH-05	41.195,00	≤ 70	≤ 16 m	2,0	
	+ Lô công nghiệp mới 05:01	CNQH-05:01	7.887,50	≤ 70	≤ 16 m	2,0	
	+ Lô công nghiệp mới 05:02	CNQH-05:02	7.500,00	≤ 70	≤ 16 m	2,0	
	+ Lô công nghiệp mới 05:03	CNQH-05:03	7.487,50	≤ 70	≤ 16 m	2,0	
	+ Lô công nghiệp mới 05:04	CNQH-05:04	9.160,00	≤ 70	≤ 16 m	2,0	
	+ Lô công nghiệp mới 05:05	CNQH-05:05	9.160,00	≤ 70	≤ 16 m	2,0	
2.6	Đất Công nghiệp mới 06 (5 lô)	CNQH-06	40.157,92	≤ 70	≤ 16 m	2,0	
	+ Lô công nghiệp mới 06:01	CNQH-06:01	6.987,50	≤ 70	≤ 16 m	2,0	
	+ Lô công nghiệp mới 06:02	CNQH-06:02	10.462,20	≤ 70	≤ 16 m	2,0	
	+ Lô công nghiệp mới 06:03	CNQH-06:03	7.000,00	≤ 70	≤ 16 m	2,0	
	+ Lô công nghiệp mới 06:04	CNQH-06:04	8.193,86	≤ 70	≤ 16 m	2,0	
	+ Lô công nghiệp mới 06:05	CNQH-06:05	7.514,36	≤ 70	≤ 16 m	2,0	
2.7	Đất Công nghiệp mới 07 (6 lô)	CNQH-07	45.750,00	≤ 70	≤ 16 m	2,0	
	+ Lô công nghiệp mới 07:01	CNQH-07:01	7.887,50	≤ 70	≤ 16 m	2,0	
	+ Lô công nghiệp mới 07:02	CNQH-07:02	7.500,00	≤ 70	≤ 16 m	2,0	

STT	THÀNH PHẦN ĐẤT	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH (M ²)	MẬT ĐỘ XD (%)	CHIỀU CAO TỐI ĐA	HỆ SỐ SDD TỐI ĐA	TỶ LỆ (%)
	+ Lô công nghiệp mới 07:03	CNQH-07:03	7.487,50	≤ 70	≤ 16 m	2,0	
	+ Lô công nghiệp mới 07:04	CNQH-07:04	7.487,50	≤ 70	≤ 16 m	2,0	
	+ Lô công nghiệp mới 07:05	CNQH-07:05	7.500,00	≤ 70	≤ 16 m	2,0	
	+ Lô công nghiệp mới 07:06	CNQH-07:06	7.887,50	≤ 70	≤ 16 m	2,0	
2.8	Đất Công nghiệp mới 08 (7 lô)	CNQH-08	51.608,76	≤ 70	≤ 16 m	2,0	
	+ Lô công nghiệp mới 08:01	CNQH-08:01	6.987,50	≤ 70	≤ 16 m	2,0	
	+ Lô công nghiệp mới 08:02	CNQH-08:02	7.000,00	≤ 70	≤ 16 m	2,0	
	+ Lô công nghiệp mới 08:03	CNQH-08:03	7.000,00	≤ 70	≤ 16 m	2,0	
	+ Lô công nghiệp mới 08:04	CNQH-08:04	7.336,90	≤ 70	≤ 16 m	2,0	
	+ Lô công nghiệp mới 08:05	CNQH-08:05	6.987,50	≤ 70	≤ 16 m	2,0	
	+ Lô công nghiệp mới 08:06	CNQH-08:06	7.000,00	≤ 70	≤ 16 m	2,0	
	+ Lô công nghiệp mới 08:07	CNQH-08:07	9.296,86	≤ 70	≤ 16 m	2,0	
2.9	Đất Công nghiệp mới 09 (1 lô)	QH-09	6.691,23	≤ 70	≤ 16 m	2,0	
II	ĐẤT CÔNG CỘNG (ĐIỀU HÀNH)	CC-NDH	2.258,60	40	2-5 tầng	2,0	0,4
III	ĐẤT CÂY XANH	CX	66.408,66				12,3
1	Cây xanh 01	CX-01	3.252,60				
2	Cây xanh 02	CX-02	8.842,60				
3	Cây xanh 03	CX-03	5.517,60				
4	Cây xanh 04	CX-04	3.037,64				
5	Cây xanh 05	CX-05	6.131,08				
6	Cây xanh 06	CX-06	1.337,01				
7	Cây xanh 07	CX-07	1.749,80				
8	Cây xanh ngoài cụm 08	CX-08	10.258,03				
9	Cây xanh ngoài cụm 09	CX-09	26.282,30				
IV	ĐẤT GIAO THÔNG	GT	94.904,89				17,6
1	Đất giao thông trong cụm	GT1	84.560,97				
2	Đất giao thông ngoài cụm	GT2	10.343,92				
V	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐẦU MỐI	HTKT	12.649,50				2,3

3.2. Chỉ tiêu sử dụng đất Cụm công nghiệp đạt được:

Tổng diện tích lập quy hoạch là 54,058ha.

Tổng diện tích Cụm công nghiệp là 49,37 ha.

- Diện tích đất công nghiệp là 36,44ha chiếm 67,4%.
- Diện tích đất công cộng (điều hành) là 0,23ha chiếm 0,4%.
- Diện tích đất cây xanh là 6,64ha chiếm 12,3%.
- Diện tích đất hạ tầng kỹ thuật là 1,26ha chiếm 2,3%.
- Diện tích giao thông là 9,49ha chiếm 17,6%.

4. Tổ chức không gian quy hoạch:

- Tổ chức không gian Cụm công nghiệp được hình thành trên cơ sở khả năng khai thác về quỹ đất xây dựng, hướng kết nối với tuyến giao thông.

- Tổ chức hành lang an toàn môi trường (đường ống kỹ thuật, cây xanh cách ly), trước Cụm công nghiệp, tiếp giáp với đường Quốc lộ 47, tạo cảnh quan xanh, thân thiện với môi trường xung quanh.

- Hướng tiếp cận chính vào cụm công nghiệp giai đoạn đầu từ quốc lộ 47; giai đoạn sau khi mở rộng cụm công nghiệp theo Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Triệu Sơn, hướng tiếp cận chính từ đường quy hoạch phía đông thị trấn Triệu Sơn có mặt cắt 35m.

- Phía Nam tiếp giáp dải cây xanh (cách ly cụm công nghiệp và khu phát triển đô thị) theo quy hoạch chung đã phê duyệt, tạo thành cụm công nghiệp khép kín.

- Các khu chức năng chính bố trí trong cụm:

+ Định hình modul các lô đất đa dạng, diện tích lô từ 0,67ha - 1,3ha.

+ Bố trí công trình công cộng, nhà điều hành Cụm công nghiệp tại vị trí sau Công ty Vạn Lộc Xuân hiện nay, diện tích khoảng 2.000m².

+ Khu xử lý nước thải cụm công nghiệp được quy hoạch mới về phía Tây Cụm công nghiệp với diện tích khoảng 1,2 ha.

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

5.1. Quy hoạch giao thông.

a) Giao thông đối ngoại:

Theo đồ án Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung thị trấn Triệu Sơn, gồm:

- Phía Bắc Cụm công nghiệp có tuyến quốc lộ 47 (mặt cắt A-A): Lộ giới 77,0m; trong đó nền đường $2 \times 11,0 = 22,0\text{m}$, hành lang an toàn đường bộ $2 \times 15,0 = 30\text{m}$, đường gom $2 \times 7,5\text{m} = 15,0\text{m}$, vỉa hè $2 \times 5,0\text{m} = 10,0\text{m}$.

- Tuyến đường dọc kênh Nam phía Đông cụm công nghiệp (mặt cắt 2-2): Lộ giới: 50,50m; trong đó: mặt đường $7,5\text{m} \times 2 = 15,0\text{m}$; kênh Nam 19,5m; vỉa hè $(5,0\text{m} + 3,0\text{m}) \times 2 = 16,0\text{m}$.

- Phía Đông cụm có tuyến đầu nối từ TL514 đi QL47 (tuyến N6, mặt cắt 5-5): Lộ giới 20,5m; mặt đường 10,5m; vỉa hè $2 \times 5,0\text{m} = 10,0\text{m}$.

b) Giao thông nội bộ trong cụm công nghiệp:

Hệ thống giao thông nội bộ trong cụm công nghiệp được thiết kế với các hình thức mặt cắt như sau:

- Mặt cắt 1-1: Lộ giới 32,0m; trong đó: mặt đường $2 \times 10,5\text{m} = 21,0\text{m}$, dải phân cách 1,0m, vỉa hè $2 \times 5,0\text{m} = 10,0\text{m}$.
- Mặt cắt 3-3: Lộ giới 20,0m; trong đó: mặt đường 12,0m, vỉa hè $2 \times 4,0\text{m} = 8,0\text{m}$.
- Mặt cắt 4-4: Lộ giới 17,5m; mặt đường 7,5m; vỉa hè $2 \times 5,0\text{m} = 10,0\text{m}$.
- Mặt cắt 5-5: Lộ giới 20,5m; trong đó: mặt đường 10,5m, vỉa hè $2 \times 5,0\text{m} = 10,0\text{m}$.

5.2. Quy hoạch cao độ nền xây dựng

- Giải pháp thiết kế là san nền dốc từ trong lô đất ra các tuyến đường chạy bao quanh với độ dốc san nền nhỏ nhất là $i = 0,04\%$. Hướng dốc chung của toàn bộ khu vực theo hướng cao ở phía giáp kênh Nam và thấp dần về 2 phía.

- + Cao độ san nền khu đất cao nhất: + 8,30m
- + Cao độ san nền khu đất thấp nhất: + 7,05m

5.3. Quy hoạch thoát nước mặt

- Hệ thống thoát nước mưa tự chảy hoàn toàn và riêng biệt với hệ thống thoát nước thải.

- Hệ thống công thoát nước mưa được cấu tạo bởi các rãnh xây đặt trên hè kết hợp với công ngầm dưới lòng đường. Đối với các trục đường lớn công thoát nước mưa được thiết kế phù hợp.

- Hướng thoát nước chính của khu vực:

+ Khu vực phía Tây kênh Nam: Hướng thoát nước về trục đường đi qua giữa cụm công nghiệp (đường N2) song song với kênh Nam, sau đó nước mưa được thoát về mương cải dịch phía Bắc sau đó thoát ra công thoát nước mưa D1000 trên tuyến đường N1 và hệ thống thoát nước mưa đô thị. Giai đoạn đầu nước mưa được đầu nối từ công D1000 trên tuyến đường N1 vào mương tiêu hiện có phía Tây cụm công nghiệp.

+ Khu vực phía Đông kênh Nam: Hướng thoát nước về trục đường phía Đông cụm công nghiệp sau đó đầu nối vào hệ thống thoát nước đô thị.

+ Xây dựng rãnh thoát nước B800 trên hành lang kỹ thuật (phần tiếp giáp giữa phần đất công nghiệp hiện trạng và đất công nghiệp mới), thu nước của các nhà máy hiện trạng, sau đó nước mưa được đầu nối vào công D1000 trên tuyến đường N4 (phía Bắc trạm xử lý nước thải).

- Việc thu nước mưa mặt đường, được thực hiện bởi các giếng thu nước trực tiếp đặt tại mép đường với khoảng cách giữa các ga được lấy theo đường kính ống.

5.4. Quy hoạch cấp nước:

Tổng nhu cầu cấp nước: 1463 m³/ngđ

Mạng dịch vụ là mạng cung cấp nước trực tiếp đến các đối tượng sử dụng

nước, đường kính ống từ D50-:-D100. Các ống cấp nước được đặt trên hè, những đoạn qua đường, tùy thuộc vào chiều sâu sẽ được đặt trong ống lồng bảo vệ.

Nguồn nước cấp cho cụm từ nhà máy Chi nhánh cấp nước Triệu Sơn - Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa.

5.5. Quy hoạch cấp điện:

- Nguồn điện cấp cho cụm công nghiệp được lấy từ đường điện trung áp 35KV quy hoạch lộ 371- E9.17

- Kết cấu tuyến điện trung áp 35KV quy hoạch được thiết kế đi nổi để thuận lợi cho công tác quản lý và vận hành. Dây dẫn dùng dây Fe/AL/XLPE 4.3-35KV. Cột trên tuyến dùng cột BTLT 20m, những vị trí cột góc, cột cuối, cột néo dùng cột đôi 2 cột BTLT 20m để tăng cường kết cấu cho tuyến, xà dùng xà lệch và sứ chuỗi và sứ đứng. Lưới trung áp 35KV quy hoạch được đi dọc theo trục đường giao thông nội bộ khu công nghiệp đến tận hàng rào của các cơ sở sản xuất.

- Xây dựng mới 01 trạm biến áp phụ tải sử dụng trạm treo cấp nguồn cho khu hạ tầng, khu nhà công cộng dịch vụ và điện chiếu sáng có công suất 180KVA. Điện hạ thế từ trạm biến áp cấp điện đến khu HTKT được thiết kế đi ngầm, dây dẫn dùng cáp Cu/XLPE/DSTA/PVC.

- Hệ thống điện chiếu sáng đường giao thông của cụm công nghiệp được thiết kế đi ngầm. Nguồn cấp cho hệ thống điện chiếu sáng được lấy tại các trạm biến áp, đèn chiếu sáng dùng đèn led 150w – 220v lắp trên cột thép bát giác cao 10m, dây dẫn cấp nguồn cho hệ thống đèn đường dùng cáp Cu/XLPE/DSTA/PVC; khoảng cách trung bình giữa các cột là 35m. Điều khiển hệ thống chiếu sáng bằng các tủ điều khiển chiếu sáng tự động đóng cắt theo thời gian đặt tại khu hành chính

5.6. Quy hoạch thu gom và xử lý nước thải:

Nước thải được thu gom qua hệ thống đường ống trên các tuyến đường sau đó thoát về trạm xử lý nước thải của Cụm công nghiệp được bố trí phía Tây Bắc cụm công nghiệp. Nước thải công nghiệp được xử lý đạt tiêu chuẩn của Bộ Tài nguyên và Môi trường trước khi xả ra rãnh thoát nước chung của khu vực.

Nước thải của các nhà máy khu vực phía Đông kênh Nam được thoát về khu vực trạm bơm tăng áp để bơm nước thải vượt qua kênh Nam, sau đó được thoát vào hệ thống cống thu về trạm xử lý.

Nước thải sinh hoạt công nhân xử lý cục bộ qua bể tự hoại đặt trong từng công trình, bể xây 3 ngăn đúng quy cách trước khi thải ra hệ thống thoát nước.

5.7. Quy hoạch thu gom và xử lý chất thải rắn

- Tiêu chuẩn rác thải công nghiệp: 0,3 (tấn/ha.ngày)
- Tổng lượng thải ước tính: 15 tấn/ngđ.

Phân loại CTR tại nguồn (phân loại sơ cấp): phân loại tại từng phân xưởng

sản xuất của mỗi cơ sở sản xuất, được thực hiện bởi chính các công nhân làm việc tại công đoạn cuối cùng của dây chuyền sản xuất phát sinh CTR; Phân loại CTR tại các khu phân loại tập trung (phân loại thứ cấp): nhằm tập trung một lượng lớn CTR của cùng một loại hình công nghiệp, sử dụng hệ thống máy phân loại (quạt khí, sàng lọc, từ tính, cân cầu..) nhằm nâng cao hiệu quả đạt được, thu nhiều lợi nhuận như tiết kiệm năng lượng và nhân công.

Bố trí một điểm tập kết chất thải rắn để các nhà máy có thể đưa phế liệu đến tập trung, trao đổi, tận thu các thành phần có thể tái sử dụng trước khi đưa đi xử lý. Chất thải chỉ được lưu giữ trong ngày và được chuyển đến khu xử lý tập trung vào cuối ngày. Điểm tập kết có quy mô khoảng 0,1 ha, dự kiến đặt cạnh trạm xử lý nước thải.

Chất thải rắn của sau khi thu gom chuyển đến khu xử lý tập trung theo quy hoạch.

6. Đánh giá môi trường chiến lược:

Giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục tác động đến môi trường phải đảm bảo các giải pháp: Bảo vệ môi trường đất; bảo vệ môi trường nước; bảo vệ môi trường không khí; giảm thiểu CTR; bảo vệ hệ sinh thái giảm thiểu ảnh hưởng kinh tế xã hội.

Xây dựng kế hoạch quản lý, quan trắc, giám sát tác động môi trường: Lòng ghép hoạt động trong kế hoạch quan trắc chất lượng môi trường của tỉnh Thanh Hóa; kiểm soát, giám sát chặt các chỉ tiêu môi trường cần quan trắc trong đề xuất đánh giá tác động môi trường Cụm công nghiệp.

7. Phân kỳ đầu tư:

Thực hiện theo Quyết định số 4269/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc thành lập Cụm công nghiệp liên xã Dân Lực, Dân Lý, Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Công ty TNHH đầu tư Triệu Lộc:

- Phối hợp với UBND thị trấn Triệu Sơn và UBND các xã: Dân Lực, Dân Quyền và các đơn vị liên quan tổ chức công bố rộng rãi nội dung quy hoạch theo quy định để nhân dân biết, kiểm tra, giám sát và thực hiện.

- Bàn giao hồ sơ Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Cụm công nghiệp liên xã Dân Lực, Dân Lý, Dân Quyền (thành phần hồ sơ theo quy định hiện hành) cho UBND huyện Triệu Sơn, UBND thị trấn Triệu Sơn và UBND các xã: Dân Lực, Dân Quyền làm cơ sở quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

- Lập kế hoạch chi tiết đầu tư, huy động nguồn vốn đầu tư để thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

- Tổ chức cắm mốc giới quy hoạch ngoài thực địa để quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường; UBND thị trấn Triệu Sơn và UBND các xã: Dân Lực, Dân Quyền và các đơn vị liên quan theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch được duyệt và theo các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch; Chủ tịch UBND thị trấn Triệu Sơn; Chủ tịch UBND các xã: Dân Lực, Dân Quyền; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3 QĐ;
- TTr HU (b/c);
- TTr HĐND (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, KTHT.

CHỦ TỊCH

Vũ Đức Kính